



## VÀI NÉT VỀ VĂN HÓA CỦA NGƯỜI THÁI Ở MIỀN NÚI THANH HÓA

NGÔ XUÂN SAO

Miền núi Thanh Hoá là nơi quy tụ các tộc người Thái, Mường, Dao, Hmông, Thổ, Khơ-mú và Kinh. Trong đó, người Thái đứng thứ hai về dân số, chỉ sau người Mường, phân bố cư trú chủ yếu tại các khu vực đồi núi cao dọc theo hành lang phía Tây từ nơi giáp ranh với tỉnh Nghệ An đến các địa bàn biên giới Việt - Lào của tỉnh Thanh Hóa. Đây là vùng đất vừa có ý nghĩa như “phên dậu” đảm bảo an ninh cho các vùng nội địa tỉnh Thanh Hoá, vừa là nơi giao lưu văn hóa giữa các tộc người, nhất là giữa hai dân tộc Thái và Mường.

Trong tiến trình lịch sử, người Thái ở miền núi Thanh Hóa không chỉ đóng vai trò quan trọng đối với sự nghiệp phát triển kinh tế vùng và phòng thủ đất nước mà còn có sự ảnh hưởng mạnh mẽ tới các tộc người cùng cộng cư về văn hóa. Tuy nhiên, do yếu tố lịch sử và đặc điểm phân bố tộc người, văn hoá Thái nơi đây từ lâu cũng đã có sự giao lưu, tiếp biến với văn hóa Mường, tạo nên những sắc thái riêng so với văn hóa Thái ở nơi khác. Trên cơ sở đó, bài viết này giới thiệu một số sắc thái riêng trong văn hóa của người Thái ở miền núi Thanh Hóa, góp phần hiểu rõ thêm sự phong phú của văn hóa Thái ở nước ta.

### 1. Sơ lược về người Thái ở miền núi Thanh Hóa

Người Thái ở miền núi Thanh Hóa có nguồn gốc từ nhiều bộ phận khác nhau. Trong đó, có một bộ phận đã sinh cư ở đây từ lâu đời, bộ phận khác là những người Thái Đen và Thái Trắng từ Tây Bắc di chuyển xuống, từ Lào di cư sang, sau này có cả người Mường, người Kinh hòa nhập vào. Trong một công trình nghiên cứu, tác giả Lê Sỹ Giáo đã viết: “Đến trước cách mạng tháng Tám 1945, ở miền núi Thanh Hóa đã hình thành bốn mươi mường của người Thái (Quan Hóa 7 mường; Mường Lát 7 mường; Quan Sơn 6 mường; Bá Thước 4 mường; Lang Chánh 4 mường; Thường Xuân 9 mường; Như Xuân 3 mường). Trong số đó, có 4 mường lớn, có thế lực cả về kinh tế và chính trị trong những năm trước Cách mạng tháng Tám là mường Ca Da ở Quan Hóa, mường Khoòng ở Bá Thước, mường Chiềng Vạn ở Thường Xuân, mường Đèng ở Lang Chánh” (Lê Sỹ Giáo, 1991, tr. 38). Tuy vậy, cho đến nay, người Thái ở miền núi Thanh Hoá vẫn chủ yếu có hai nhóm là Tày Dọ và Tày. Nhóm tự gọi là Tày phân bố ở các huyện Quan Hoá, Quan Sơn, Bá Thước và Lang Chánh; nhóm tự nhận là Tày

Dọ cư trú tập trung tại các huyện Thường Xuân, Như Xuân và Như Thanh. Trong những huyện này, tộc người Thái thường cư trú đan xen với tộc người Mường.

Theo số liệu Điều tra dân số năm 1999 của Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hoá, dân số các tộc người thiểu số ở miền núi Thanh Hóa phân bố ở các huyện như sau (xem Bảng 1):

Bảng 1. Điều tra dân số năm 1999 của Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hoá

TT	Huyện	Dân tộc Mường	Dân tộc Thái	Dân tộc Thổ	Dân tộc Hmông	Dân tộc Dao	Dân tộc Kơ-mú
1	Ngọc Lặc	83.927	246			1.246	
2	Thạch Thành	68.342	25	2	14	17	
3	Cẩm Thủy	56.306				3.213	
4	Bá Thước	49.958	31.444	7	9	8	
5	Như Thanh	17.259	12.204	189			
6	Lang Chánh	13.087	22.578				
7	Quan Hóa	9.618	26.719		1.444		
8	Như Xuân	3.568	22.505	9.251			
9	Thường Xuân	3.075	47.496	10	2	1	
10	Quan Sơn	1.046	27.321		832		
11	Mường Lát	681	13.621		11.562	546	642

Nguồn: Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa năm 2002.

Cho đến nay, người Thái ở miền núi Thanh Hóa vẫn ít quan tâm đến cội nguồn của họ thuộc Thái Đen hay Thái Trắng. Họ quen gọi nhau theo địa danh, tức ở mừng nào thì gọi tên theo mừng đó, chẳng hạn ở mừng Khoòng được gọi là “Táy Khoòng”, ở Mừng Đanh là “Táy Đanh”... Nghiên cứu thực tế cho thấy, những câu chuyện về sự hình thành bản mừng của người Thái trong ký ức của bao đời lưu truyền lại đều gắn với quê hương sở tại, với địa danh vùng đất xứ Thanh như: “Ái Lạc Cặc của Mừng Ca Da, Lung Quan Khả của Mừng Ký, Ái Pú Té

của Mừng Khoòng. Ái Lạc Cặc bừa thành sông Mã, Lung Quan Khả đánh nhau với Mi quan xó. Ông đập chân lún đá, đánh rắm bạt đồi thành đèo Co Phúng, ném chày cối thành bản Chộc, bản Xác ở Lang Chánh, Ái Pú Té ở bản Hin (Lũng Cao) nhổ hết cây ở núi Phu Luông đánh đuổi Ái Lạc Cặc, ném cối chày sang tận Hoà Bình thành bản Cồn Cáo, đắp ngang sông Mã đưa nước về đồng thành núi Pha Kháu (gọi chệch là Pha Hán bây giờ)” (Lê Nai và Mai Xuân Đáng, 1992, tr. 323-324).

Là một trong những chủ nhân sớm có mặt ở miền núi Thanh Hoá, người Thái đã có nhiều đóng góp cho các cuộc khởi nghĩa chống ngoại xâm. Vào thế kỷ thứ XV, phần lớn địa bàn của khởi nghĩa Lam Sơn nằm ở miền núi Thanh Hoá thuộc nơi cư trú của người Thái và Mường, trong đó căn cứ Chí Linh ở Lang Chánh, Thường Xuân và các vùng phụ cận đều là nơi có nhiều người Thái sinh sống từ lâu đời. Càng về sau, trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm kéo dài của dân tộc, vai trò của miền núi nước ta nói chung, ở Thanh Hóa nói riêng lại càng nổi bật. Tại vùng cao Thanh Hóa, trên cơ sở giao lưu nhiều mặt, nhất là mối quan hệ văn hóa ở các dân tộc đã góp phần tạo nên sự liên kết những thủ lĩnh khác nhau về thành phần tộc người như Hà Văn Mao và Cầm Bá Thước cùng với người dân các tộc người Mường, Thái, Kinh... trong phong trào chống Pháp vào cuối thế kỷ XIX. Bởi vậy, trong bài “*Ngoại mậu kiến liệt truyện*”, thơ vịnh về hai người anh hùng của hai dân tộc Mường và Thái ở miền núi xứ Thanh có đoạn như sau:

“ Hà Văn... Cầm Bá... một đoàn  
 Cùng nhau gánh vác giang san nước nhà  
 Man dân như lối Thanh Hoa (Hoá)  
 Trung châu ít kẻ vượt ra bực ngoài...”  
 (Đình Xuân Lâm và Đặng Huy Vận,  
 1971, tr. 18).

## 2. Một số nét trong văn hoá của người Thái ở miền núi Thanh Hóa

Văn hóa của người Thái ở miền núi Thanh Hoá không chỉ có tác động, ảnh hưởng mạnh mẽ đến văn hóa của các dân tộc cùng cộng cư mà còn có một quá trình giao thoa, tiếp biến khá sâu sắc với văn hóa của

người Mường láng giềng. Trong bối cảnh đó, hầu hết các lĩnh vực văn hóa vật chất và tinh thần của người Thái và người Mường ở Thanh Hóa, mà trực tiếp là nhóm Mường Trong (người Mường ở Thanh Hóa gọi bộ phận dân Mường di cư từ tỉnh Hoà Bình vào là người Mường Ngoài). Thực tế cho thấy, văn hóa Thái và Mường ở đây đã có sự hoà nhập, nhiều nét tương đồng, khó phân biệt được nguồn gốc từ Mường hay từ Thái. Những sự tương đồng đó có thể tìm thấy trong tập quán canh tác ruộng nương, văn hóa ẩm thực, nhà ở, trang phục, tín ngưỡng... Chính điều này đã tạo nên những sắc thái riêng của người Thái ở miền núi Thanh Hóa so với cư dân đồng tộc ở các địa phương khác, mà dưới đây là một số ví dụ.

### 2.1. Ngôi nhà cổ truyền

Nhà sàn truyền thống của người Thái ở miền núi Thanh Hóa giống như nhà sàn của người Mường, không có *khau cút* như nhà của người Thái ở Tây Bắc, có sàn như ở người Mường và đều cùng kiểu nhà bốn mái, cột chôn xuống đất. Đồ nghề để làm nhà chủ yếu là con dao và cái rìu. Trước đây, gỗ dựng nhà sàn thường được chọn loại gỗ tốt có lõi để làm khung, nhất là bộ cột như dổi, vàng tâm, đỉnh hương, bù hương, gỗ sến, *mạy láy* (láy từ trên núi đá). *Mạy láy* là loại gỗ tốt nhất, nếu làm cột chôn sẽ được bền lâu hơn các loại gỗ khác. Riêng khung mái và các tấm thưng đều làm từ luồng và nứa. Tùy điều kiện từng gia đình, mái nhà có thể lợp bằng tranh nứa, cỏ giang hoặc lá cọ.

Nhìn chung, người Thái ở Thanh Hóa không coi trọng nhiều đến việc chọn hướng mở cửa chính khi dựng ngôi nhà mới, chỉ cốt thuận lợi cho việc đi lại và lao động sản

xuất. Nếu nhà dựng ở đồi gò thì dựa lưng vào đồi, cửa hướng ra khoảng không thung lũng hoặc cánh đồng trước mặt. Còn những ngôi nhà dựng ở ven sông suối, mặt nhà có thể hướng ra sông suối. Họ thích dựng nhà tại nơi cao ráo thoáng mát, có điểm tựa vào đồi núi hoặc hai đầu hồi có núi cao làm điểm tựa từ xa, tạo cho thế ở luôn được vững chắc. Tất cả những cái đó tạo cho bản làng của người Thái ở miền núi Thanh Hóa một cảm giác vừa an toạ vừa cởi mở với những nét độc đáo riêng. Tuy vậy, có một điểm chung là ở tộc người Thái, Mường cũng như các dân tộc khác, ngôi nhà là nơi diễn ra và chứng kiến những sự kiện quan trọng của vòng đời người. Từ đó, ngôi nhà không chỉ có ý nghĩa đối với gia đình mà còn thể hiện tính cộng đồng sâu sắc, nó không chỉ là nhu cầu về vật chất để trú ngụ lúc nắng mưa, ngủ và nghỉ ngơi mà còn đáp ứng những yếu tố về tâm linh.

### 2.2. Trang phục truyền thống

Nữ phục truyền thống của phụ nữ Thái và phụ nữ Mường ở miền núi Thanh Hóa có nhiều nét tương đồng. Phụ nữ Thái thường mặc theo kiểu trang phục của phụ nữ Mường láng giềng. Từ lâu đời, phụ nữ Thái ở đây cũng mặc áo chui đầu như phụ nữ Mường và cạp váy có trang trí hoa văn. Tại các vùng cư trú đan xen với mật độ dân cư lớn giữa người Thái với người Mường như các huyện Quan Hóa, Bá Thước, Lang Chánh..., nếu nhìn về hình thức trang phục, khó có thể phân biệt được phụ nữ Thái và phụ nữ Mường.

### 2.3. Ẩm thực truyền thống

Trong sản xuất, người Thái có nhiều kinh nghiệm thực tiễn trồng lúa nước, nên họ chủ yếu phát triển ruộng nước, hạn chế

phát nương: “Nương bao la không bằng ruộng nhà một thửa”. Họ vẫn còn duy trì và rất giàu kinh nghiệm gieo cấy loại lúa nếp cổ truyền, còn trên nương rẫy lúc nào cũng phong phú các loại hoa màu. Do đó, họ vẫn lưu truyền các bài cúng Thần đất nơi trồng lúa, *Khấp khen* làm rẫy. Người Thái ở đây vẫn giữ được tập quán ăn cơm nếp và có nhiều món ăn được chế biến từ gạo nếp. Đặc biệt, tập quán chế biến món ăn từ cá vẫn đóng vai trò chính trong văn hóa ẩm thực của họ, kể cả ở người Mường láng giềng. Sau đây là một số món ăn rất phổ biến của người Thái ở vùng này:

- Cơm đồ: Muốn có cơm đồ, trước hết phải có niêng bằng đồng, có gạo nếp ngon ngâm nước qua đêm. Cách đồ cơm được diễn ra theo các bước: cho nước vào niêng khoảng 1/2 và bắc lên bếp; gạo đã ngâm vo qua nước lã cho sạch, đổ vào rá, chờ cho ráo nước thì cho vào hông bằng gỗ mít và đậy kín nắp; bê hông gạo nếp đặt lên niêng đang bốc hơi nóng và tiếp tục cho củi để bếp cháy đều đến khi hơi bốc lên trên miệng hông làm cơm chín đều. Khi cơm chín mang đồ ra mâm gỗ thì một tay cầm quạt lá cọ quạt, tay kia dùng đũa cả xới xôi rải đều cho đến lúc cơm hơi nguội lại cho vào hông hoặc ép chặt và đậy kín để cho cơm dẻo. Lúc ăn, lấy tay bóc ra mùng, mỗi mâm cơm đặt từ 2 đến 3 mùng tùy theo lượng người ăn, thấy ăn gần hết lại đem ra.

- Cơm lam: Có hai cách làm cơm lam. Cách thứ nhất, lấy ống nứa hoặc vầu non dạng bánh tẻ có ống không to quá, trong không lót lá chuối để làm cơm lam nên gọi là *lam cày*. Cách thứ hai, cũng chọn ống tre như làm *lam cày* nhưng lót lá chuối rừng vào trong ống, rồi cho gạo nếp gần đầy

miệng thì nút lá chuối, đưa vào bếp củi có than hơ cho nóng dần. Sau đó, lam dần từ miệng ống xuống đến đáy ống. Khi lam xuống đến đáy ống, thỉnh thoảng cầm ống nện cho chặt gạo, sau đó lấy que chọc lỗ ở đáy ống để thoát hơi, làm ráo nước. Khi cơm trong ống chín dẻo thì đưa ra khỏi bếp cho nguội mới xé hoặc mổ đôi ống đối với cơm lam cày. Tiếp đến, chặt thanh nứa tươi làm que đẩy cơm từ trong ống ra để ăn, cơm rất dẻo và thơm. Đối với cơm lam lót lá, dùng dao chẻ mỏng ống, rồi lấy tay xé và ăn luôn theo từng đoạn, ăn đến đâu xé đến đó để cơm không bị khô.

- Món cá chùm chùm đồ: Nguyên liệu gồm cá con rửa sạch, hoa chuối rừng thái mỏng ngâm nước mẻ và muối rồi rửa sạch, rau dền đất rửa kỹ và thái nhỏ, gia vị *mắc khén*, gạo nếp vừa đủ, muối và mì chính. Tất cả đem trộn đều, để khoảng 15 - 20 phút thì lấy lá dong chùm, dùng lạt buộc và bỏ vào hông đồ đến khi thấy gạo nếp chín dẻo là được. Đây là món ăn thơm ngon, thường được chế biến mỗi khi nhà có khách quý.

- Canh *loóng*: Nguyên liệu chỉ có cây chuối rừng hầm với xương lợn, xương trâu hoặc bò. Với người Mường, món canh *loóng* ra đời từ rất sớm, trong sử thi *Đẻ đất đẻ nước* đã ghi món ăn này. Còn người Thái ở miền núi Thanh Hóa, canh *loóng* cũng đã được sử dụng từ lâu. Hiện nay, canh *loóng* vẫn giữ được hương vị độc đáo của nó, được người Mường và người Thái chế biến trong các dịp tang ma, dựng nhà mới và các buổi lễ khác có đông người tham dự. Họ chỉ kiêng dùng canh *loóng* trong đám cưới.

## 2.4. Văn học dân gian

Từ lâu đời, người Thái ở miền núi Thanh Hóa đã sáng tạo và làm giàu thêm những nét đặc sắc trong kho tàng văn học dân gian của mình trên cơ sở giao lưu, tiếp biến văn hóa với tộc người Mường láng giềng. Nghiên cứu cho thấy, người Thái Tây Bắc có chuyện không lồ *Ái Lạc Cặc*, còn người Thái ở Thanh Hóa có *Ái Pu Té mừng Khoàng*, *Lung Quan Khà mừng Ký*. Trong tiềm thức, người Thái ở Thanh Hóa có những ký ức về văn hóa Chăm Pa, Lào. Một số truyện thơ đặc sắc như *U Thềm*, *Tu Mãi Hai Đào*, *Tén Tàn...* được lưu truyền phổ biến khắp các địa phương người Thái ở Thanh Hóa, nhất là ở những nơi tiếp giáp với Lào như Lang Chánh, Quan Sơn, Mường Lát. Rất có thể, đây là điều mờ nhạt đối với người Thái ở Tây Bắc nước ta.

Người Thái ở miền núi Thanh Hóa còn có các làn điệu *khặp* vừa đặc sắc vừa dân dã. Đó là những lời ca trữ tình phản ánh quan niệm về lẽ sống, tình cảm quê hương xứ sở... đặc biệt là về những đức tính cơ bản của con người như lòng nhân ái, sự vị tha, kính già yêu trẻ đã được thể hiện trong cách ứng xử, quan hệ giữa các thành viên trong bản mường và trở thành những giá trị truyền thống được người Thái, Mường và mọi người dân, dù ở tộc người nào cũng thừa nhận, xem đó là những giá trị chuẩn mực trong quan hệ giữa người với người và với cộng đồng. Dưới đây là một đoạn *Khặp thả* của người Thái ở huyện Thường Xuân đã được dịch ra tiếng Việt:

- Dưới gầm trời, mắt ai soi, coi thứ gì đẹp nhất?

Đẹp nắng tia vàng choàng ngang vách núi  
 Đẹp đồng xanh quanh ruộng bản bao la  
 Đẹp gái thanh xuân, tay dệt vải thêu hoa  
 Ba thứ ấy, mắt ta ưng: đẹp nhất!

- Dưới gầm trời, về non tơ nào đáng  
 yêu bậc nhất?

Lúa tháng ba mon mơn, yêu sao  
 Mũm mĩm hồng hào, bé trên sàn tập  
 bước đi chập chững

Người ta yêu đợi tháng đón dâu về  
 Bản ruộng đồng quê ông bà xưa để lại  
 Yêu nhất và mãi mãi ta yêu.

(Nhiều tác giả, 1999, tr. 183)

*Khấp* của người Thái ở Thanh Hóa có các yếu tố như “*Yếu đu lăm ne*”, “*Khấp xòn láy*”, “*Khấp xư*”... Trong đó “*Yếu đu lăm ne*” là đặc thù riêng của người Thái ở Thanh Hóa. “*Yếu đu lăm ne*” có nghĩa là thương lắm thương nhiều, là lời mở đầu làn điệu *khấp*. Công thức mở đầu làn điệu *khấp* này tương tự như mở đầu *Xường* giao duyên của người Mường ở Thanh Hóa là “*Xường xiết xương xi*” cũng có nghĩa là thương lắm thương nhiều. *Khấp* của người Thái và *Xường* của người Mường hoà quyện với nhau trong nhiều cuộc hát giao duyên, nhất là trong những ngày Tết đến xuân về, hội mùa, đám cưới... kể cả trong các đợt sinh hoạt văn hóa cộng đồng.

## 2.6. Thực hành tín ngưỡng truyền thống

Người Thái ở Thanh Hoá có sử thi “*Toi ặm óc nặm đin*”, có thể dịch là *Bài ca đất nước buổi sơ khai*. Sự ra đời của “*Toi ặm óc nặm đin*” ghi dấu ấn về mối quan hệ ảnh hưởng giao lưu khá chặt chẽ giữa người Thái và người Mường ở miền núi Thanh Hóa đối

với sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống và ngay cả trong nội dung tác phẩm.

Người Mường ở Thanh Hóa có sử thi “*Đẻ đất đẻ nước*”, trong phong tục tang ma, tác phẩm này là một bài ca nghi lễ dài với tên gọi “*Motlêu*”. Người Mường có cả hệ thống mo, gồm: *Mo vái* (Mo lên trời) và *Motlêu* chính là phần diễn xướng tác phẩm sử thi “*Đẻ đất đẻ nước*”. Yếu tố Mường trong sử thi “*Toi ặm óc nặm đin*” của người Thái rất đậm nét. Về nội dung, hai tác phẩm sử thi của người Mường và Thái nơi đây gặp nhau ở nhiều chi tiết, nhiều mô-típ như: chuyện con chim ấp trứng ra người, chuyện chặt cây si, chuyện bắn mặt trời rồi cho gà vịt đi tìm mặt trời và mặt trăng, chuyện truyền ra năm ra tháng... Tuy nhiên, ngay trong các mô-típ gần gũi nhau cũng có nhiều chi tiết riêng biệt. Những chi tiết ấy là biểu hiện những nét riêng trong tâm hồn, tính cách của người Thái, người Mường. Song, điều rõ nhất là những chi tiết, mô-típ giống nhau ấy biểu hiện sự giao lưu ảnh hưởng sâu sắc về tâm thức văn hóa giữa người Mường và người Thái ở khu vực này. Về tư duy, có thể nhận thấy, từ thuở xa xưa, con người đã có những giải thích gần gũi nhau về sự đau đẻ vĩ đại của vũ trụ, trời đất và giải thích sự ra đời các tộc người, các giống vật theo lối giản dị. Sử thi “*Toi ặm óc nặm đin*” của người Thái và “*Đẻ đất đẻ nước*” của người Mường mang một vũ trụ quan duy vật thô sơ. Cuộc sống trong quan niệm của người Thái, người Mường ngay từ đầu đã có một sự hoà hợp.

Yếu tố Mường trong sử thi “*Toi ặm óc nặm đin*” còn biểu hiện ở phong cách thể

hiện. Hai tác phẩm không chỉ mang tính tự sự lịch sử là tính chất chung của loại hình sử thi mà còn là tính diễn giải, tự sự - lịch sử của người Mường kể thừa trong các bài ca khán nguyện và cách kể chuyện. Yếu tố Mường còn là phương pháp tượng trưng huyền thoại xuất phát từ cơ sở xã hội Mường, ở cách thức cấu trúc tác phẩm, phong tục diễn xướng trong môi trường nghi lễ.

“Người Thái mỗi khi tiến hành một cuộc mo thì ông mo thường đọc lời giáo đầu. Lời giáo đầu ấy ý nói rằng ông mo sẽ mo theo lời mo của những ông mo từ xa xưa, cả những ông mo vùng Mường, vùng Thái. Đoạn giáo đầu như sau (dịch từ tiếng Thái):

Mo Mường có sách  
 Mo già, mo có họ có dòng  
 Mo không để sót một lời  
 Không bớt đi một đoạn  
 Mo đã khắc dấu ở mặt cối  
 Khắc lời để đầu giường  
 Đi tắm còn nhớ khe  
 Đan chài còn nhớ mắt  
 Đèo cây còn nhớ đường riu  
 Đan chài, đan từ chóp đến chân.  
 Con mo, theo đoạn mo Ếm sông Luồng  
 Theo ông mo lớn Mường Ông  
 Ông mo Bồng sông Đà  
 Mo theo lời mo xưa thuở trước  
 Theo ông mo mường Bi mường Lò.

Đáng chú ý ở đây là ông mo Thái tự nhận là học theo ông mo Mường Ông. Mường Ông tức là Thiết Ông bây giờ, chỉ có đồng bào Mường ở từ xa xưa đến nay” (Bùi Tiên, 1973, tr. 111).

Trong tập quán tín ngưỡng, người Thái ở miền núi Thanh Hóa còn có thói quen

cúng rượu cân bằng tiếng Mường: “Các thầy mo Thái mo bằng hai thứ tiếng. Có người không nói tiếng Mường thạo, nhưng lại cúng bằng tiếng Mường rất thạo. Ngày mùng một Tết, người Thái có tục ra suối rửa mặt đầu xuân. Họ ra suối rất sớm và phải khấn trước khi rửa. Điều đáng chú ý là họ khấn bằng hai thứ tiếng: tiếng Thái và tiếng Mường, thường là khấn bằng tiếng Mường trước” (Bùi Tiên, 1973, tr. 112).

Chỉ điểm qua một số yếu tố biểu hiện mang tính đặc thù trong văn hóa của cộng đồng người Thái ở miền núi Thanh Hóa có thể thấy, người Thái ở nơi đây vừa giữ được những đặc điểm văn hóa chung nhất của tộc người Thái ở Việt Nam, vừa tạo cho mình những sắc thái mới mang tính địa phương trên cơ sở giao lưu, tiếp biến lâu đời với văn hóa của các tộc người láng giềng, nhất là với văn hóa Mường. Những sắc thái đó trong văn hóa của người Thái ở Thanh Hóa biểu hiện được tính riêng cả về hình thức thể hiện, ngôn ngữ và nội dung gắn với lịch sử, địa danh của vùng miền núi xứ Thanh.

### Một vài nhận xét

Văn hóa của người Thái ở miền núi Thanh Hóa một mặt vẫn được duy trì và nuôi dưỡng trong môi trường sinh thái - nhân văn của tộc người mình, mặt khác lại thường xuyên giao lưu với các tộc người cùng cộng cư, đặc biệt là với người Mường. Do quá trình định cư và mối quan hệ lịch sử lâu đời với tộc người Mường, văn hóa của người Thái và người Mường ở miền núi Thanh Hóa đã trải qua một quá trình giao thoa và hòa nhập, tạo ra những yếu tố đan xen.

Sự giao lưu là một trong những tác nhân quan trọng làm cho văn hóa của người Thái ở miền núi Thanh Hóa có xu hướng ngày càng lan toả ở vùng này, đồng thời cũng hình thành nên những sắc thái riêng mang tính địa phương trên cơ sở tiếp xúc với văn hóa Mường từ lâu đời. Đây là sự giao lưu ảnh hưởng hai chiều: trong văn hóa Mường có yếu tố của văn hóa Thái và ngược lại, trong văn hóa Thái có sự thâm thấu của văn hóa Mường.

Trong bối cảnh mới của sự phát triển, quan hệ giao lưu văn hóa giữa người Thái với các tộc người láng giềng ngày càng có điều kiện hoà nhập nhau mà biểu hiện sinh động nhất là quan hệ hôn nhân. Mỗi mái nhà sàn nơi quần tụ của một gia đình người Thái ở miền núi Thanh Hóa hiện nay đâu chỉ có một thành phần dân tộc, nhiều gia đình đã có các thành viên thuộc các dân tộc Thái, Mường, Kinh... Đây là một biểu hiện của sự cảm thông và hiểu biết sâu sắc giữa các tộc người, và cũng chính là môi trường thuận lợi nuôi dưỡng sự hoà hợp, thâm thấu và tiếp nhận những nét văn hóa tốt đẹp giữa các tộc người.

### Tài liệu tham khảo

1. Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa năm 2002, *Thống kê tổng điều tra dân số tỉnh Thanh Hóa ngày 1/4/1999*.
2. Lê Sỹ Giáo (1991), “Đặc điểm phân bố các tộc người ở miền núi Thanh Hóa”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 37-43.
3. Đinh Xuân Lâm, Đặng Huy Vận (1971), “Hà Văn Mao và Cầm Bá Thước đối với phong trào chống Pháp của miền núi Thanh Hóa cuối thế kỷ XIX”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, Số 140, tr. 3-23.
4. Lê Nai, Mai Xuân Đáng (1992), “Người Thái Tây Bắc Thanh Hóa và mối quan hệ văn hoá dân tộc”, *Kỷ yếu Hội thảo Thái học lần thứ I*, Trung tâm Hợp tác nghiên cứu Việt Nam - Chương trình Thái học.
5. Nhiều tác giả (1999), *Hợp tuyển văn học dân gian các dân tộc Thanh Hóa*, Nxb Văn học, Hà Nội.
6. Bùi Tiên (1973), “Mo Thái liên quan đến mo Đẻ đất đẻ nước ở Thanh Hóa”, *Kỷ yếu “Đẻ đất đẻ nước”*, Ty Văn hóa Thanh Hóa xuất bản.



Việc nhà của phụ nữ Thái ở Quỳnh Nhai, Sơn La

Ảnh: Trần Hồng Hạnh